

Số: 02 /2025/CBTT-RED

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ

- Địa chỉ trụ sở chính: P4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, P. Sài Gòn TPHCM
- Điện thoại: 028.6285.7168 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Trương Ngọc Như Quỳnh**
- Email: info@redcapital.vn

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ 07 ngày ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

- Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Đỏ công bố Thông tin Báo cáo Tài chính Quý 4.2025.
- Thông tin chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/01/2026 theo đường dẫn sau:

<https://www.redcapital.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Red Capital.

Đính kèm:

Báo cáo Tài chính Quý 4.2025

Người được ủy quyền công bố thông tin



TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 01/2025/CV-RED

(Vv: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
TNDN quý 4 năm 2025 so với quý 4 năm 2024)

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Đỏ giải trình kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2025 so với Quý 4 năm 2024 thay đổi hơn 10% cụ thể như sau:

Nội dung	Quý 4 năm 2025	Quý 4 năm 2024	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	7,657,468,037	9,977,622,441	(2,320,154,404)
Lợi nhuận sau thuế	6,365,009,229	7,989,424,755	(1,624,415,526)

Nguyên nhân biến động, thời điểm Quý 4 năm 2025 mặc dù doanh thu thuần Công ty tăng 19% tương đương 2,64 tỷ đồng nhưng giá vốn tăng 175% ở mức 1,54 tỷ đồng. Tương tự, doanh thu tài chính chỉ tăng 70% nhưng chi phí tài chính tăng 362% tương đương 3,8 tỷ đồng, mặc dù với chi phí hoạt động kinh doanh biến động tăng 10% không đáng kể dẫn đến lợi nhuận trước/sau thuế của Công ty lần lượt giảm 23%, 20% so với quý 4 năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Đỏ xin báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được biết.

Trân trọng./.



ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Red Capital

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ
Địa chỉ: Lầu 9, Phòng 4, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP HCM
MST: 0102665814

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV - NĂM 2025

TP HCM, Tháng 01 năm 2026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đô

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2025

ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01a-CTQ
Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	TM	31/12/25	01/01/25
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.481.438.980	43.137.346.360
110	1. Tiền và tương đương tiền	4	14.462.408.501	23.245.166.686
111	- Tiền		14.462.408.501	23.245.166.686
120	2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	40.577.417.804	17.539.000.000
121	- Đầu tư ngắn hạn		45.008.961.650	18.447.302.995
129	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(4.431.543.846)	(908.302.995)
130	3. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	4.471.853.319	2.138.316.865
131	- Phải thu khách hàng		3.254.937.893	685.500.000
132	- Trả trước cho người bán		-	48.375.000
134	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ		1.178.931.919	1.394.441.865
135	- Các khoản phải thu khác		37.983.507	10.000.000
150	4. Tài sản ngắn hạn khác		969.759.356	214.862.809
151	- Chi phí trả trước ngắn hạn		969.759.356	169.862.809
158	- Tài sản ngắn hạn khác		-	45.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		86.389.362.553	85.615.154.643
210	1. Các khoản phải thu dài hạn		1.241.093.835	297.366.676
218	- Phải thu dài hạn khác	7	1.241.093.835	297.366.676
220	2. Tài sản cố định	8	114.521.182	77.511.446
221	2.1. Tài sản cố định hữu hình		-	-
222	- Nguyên giá		75.717.273	75.717.273
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(75.717.273)	(75.717.273)
227	2.3. Tài sản cố định vô hình		114.521.182	77.511.446
228	- Nguyên giá		763.550.000	666.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(649.028.818)	(589.288.554)
250	3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	85.000.000.000	85.000.000.000
260	4. Tài sản dài hạn khác		33.747.536	240.276.521
261	- Chi phí trả trước dài hạn		33.747.536	240.276.521
270	TỔNG TÀI SẢN		146.870.801.533	128.752.501.003

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đô

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2025

ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01a-CTQ
Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	TM	31/12/25	01/01/25
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.979.364.945	2.856.382.175
310	1. Nợ ngắn hạn		2.979.364.945	2.856.382.175
312	1. Phải trả người bán		3.886.255	42.723.671
314	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	10	1.882.353.660	2.373.664.752
315	5. Phải trả người lao động		546.664.584	58.500.000
316	4. Chi phí phải trả	11	395.488.465	377.023.771
319	5. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	12	150.971.981	4.469.981
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	143.891.436.588	125.896.118.828
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.507.634.214	20.512.316.454
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		146.870.801.533	128.752.501.003

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2025

ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01a-CTQ

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	TM	31/12/25	01/01/25
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty QLQ		21.556.300.000	6.490.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		21.556.300.000	6.490.000.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	14	2.714.382.913	1.178.136.232
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		2.714.382.913	1.178.136.232
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	15	117.216.000.000	873.000.000.000
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		117.216.000.000	873.000.000.000
051	4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		206.382.913	588.923.067

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02a-CTQ

Đơn vị: VND

Mã số	Chi tiêu	T M	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
01	1. Doanh thu	16	16.349.250.407	13.706.191.438	35.970.125.477	20.285.139.626
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		16.349.250.407	13.706.191.438	35.970.125.477	20.285.139.626
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	17	2.420.809.567	880.481.035	5.248.475.630	3.802.300.625
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		13.928.440.840	12.825.710.403	30.721.649.847	16.482.839.001
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	1.339.249.809	787.235.505	6.318.281.562	7.972.664.753
22	7. Chi phí tài chính	19	4.859.515.001	1.051.255.847	5.681.423.736	1.702.411.315
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.750.707.611	2.499.067.620	9.214.781.385	8.072.108.934
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.657.468.037	10.062.622.441	22.143.726.288	14.680.983.505
	10. Thu nhập khác					
	11. Chi phí khác			85.000.000		85.000.000
	12. Lợi nhuận khác			(85.000.000)		(85.000.000)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.657.468.037	9.977.622.441	22.143.726.288	14.595.983.505
51	14. Thuế TNDN hiện hành		1.292.458.808	1.988.197.686	4.148.408.528	2.882.943.438
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.365.009.229	7.989.424.755	17.995.317.760	11.713.040.067
70	17. Lãi trên cổ phiếu		637	799	1.800	1.171

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dầu tư Đỏ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2025
ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03a-CTQ
Đơn vị: VND

Mã số	Chi tiêu	T M	Cuối Quý	Đầu Quý
	1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.657.468.037	14.595.983.505
	2. Điều chỉnh cho các khoản		13.692.998.092	(5.231.155.430)
02	- Khấu hao TSCĐ		10.697.916	130.795.013
03	- Các khoản dự phòng		3.713.352.908	908.302.995
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		9.968.947.268	(6.270.253.438)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.350.466.129	9.364.828.075
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.313.194.995)	17.423.460.734
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		785.063.270	116.504.053
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước.		(787.257.449)	31.625.201
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.170.265.323)	(1.798.687.869)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.864.811.632	25.137.730.194
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		-	(80.000.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(35.000.000.000)
27	7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		(9.968.947.268)	6.270.253.438
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.968.947.268)	(8.809.746.562)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)		7.895.864.364	16.327.983.632
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.566.544.137	6.917.183.054
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)		14.462.408.501	23.245.166.686

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

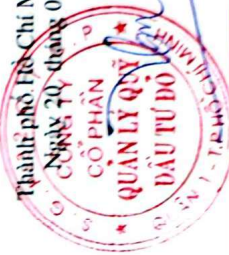
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B05a-CTQ

Chỉ tiêu	TM	Tại ngày 01/01/2024	01/01/2025	Số tăng/(giảm) Năm 2024		Từ 1/1/25 đến Tăng	31/12/2025 giảm	Tại ngày 31/12/2024	31/12/2025
				Tăng	Giảm				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000	-	-	-	-	3.825.000.000	3.825.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000	-	-	-	-	70.000.000	70.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
10. Lợi nhuận chưa phân phối		8.799.276.387	20.512.316.454	13.752.755.099	2.039.715.032	25.617.639.570	7.622.321.880	20.512.316.454	38.507.634.214
TỔNG cỘNG		114.183.078.761	125.896.118.828	13.752.755.099	2.039.715.032	25.617.639.570	7.622.321.880	125.896.118.828	143.891.436.588

Thành phố Hà Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2026



[Handwritten signature]

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiểm Kế toán Trưởng

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09a-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đô ("Công ty"), là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty đặt văn phòng tại Lầu 9, Phòng 4, The Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 15 người (31 tháng 12 năm 2024: 12 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114").

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu như sau:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để chỉnh bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021, tỷ lệ này là 17%). Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

3.11.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	-	26.644
Tiền gửi ngân hàng	14.462.408.501	23.245.140.042
	14.462.408.501	23.245.166.686

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa và tiền gửi tại các công ty chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

5.1 Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	-	-	199.000	12.755.608.776
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	305.000	7.251.098.050		
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	440.000	11.727.782.450		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-	450.000	5.691.694.219
Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	9.030	258.924.994		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật CTCP Vincom Retail	1.162.600	15.561.216.365		
	-	-		
Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	4.000	397.538.380		
CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	15.000	236.429.273		
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	170.000	4.748.477.378		
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	50.000	4.827.494.760		
	<u>2.155.630</u>	<u>45.008.961.650</u>	<u>649.000</u>	<u>18.447.302.995</u>

5.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.431.543.846)	(908.302.995)
	<u>(4.431.543.846)</u>	<u>(908.302.995)</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu từ bán chứng khoán	3.254.937.893	685.500.000
Trả trước cho người bán	-	48.375.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.178.931.919	1.394.441.865
Các khoản phải thu khác	37.983.507	10.000.000
	<u>4.471.853.319</u>	<u>2.138.316.865</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

8.1 Tài sản cố định hữu hình

	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	75.717.273	75.717.273
-Giảm trong kỳ(*)	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>75.717.273</u>	<u>75.717.273</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	(75.717.273)	(75.717.273)
- Khấu hao trong kỳ	-	-
-Giảm khấu hao trong kỳ (*)	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>(75.717.273)</u>	<u>(75.717.273)</u>
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75.717.273 VND.

8.2 Tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy tính, web</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	666.800.000	666.800.000
- Mua trong kỳ	96.750.000	96.750.000
Số dư cuối kỳ	<u>763.550.000</u>	<u>763.550.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	(589.288.554)	(589.288.554)
- Khấu hao trong kỳ	(59.740.264)	(59.740.264)
Số dư cuối kỳ	<u>(649.028.818)</u>	<u>(649.028.818)</u>
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	77.511.446	77.511.446
- Tại ngày cuối kỳ	<u>114.521.182</u>	<u>114.521.182</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao đến ngày 31/12/2025 là 649.028.818 VND (chiếm 85% nguyên giá 763.550.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B09a-CTQ

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	50.000.000.000	15,63%	50.000.000.000	15,63%
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng R3F	35.000.000.000	11,67%	35.000.000.000	11,67%
	<u>85.000.000.000</u>		<u>85.000.000.000</u>	

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.984.295.524	4.148.408.528	(4.844.147.406)	1.288.556.646
Thuế Thu nhập cá nhân	389.369.228	1.757.986.241	(1.556.730.467)	590.625.002
Thuế Giá trị Gia tăng	-	7.847.916	(4.675.904)	3.172.012
	<u>2.373.664.752</u>	<u>5.914.242.685</u>	<u>(6.405.553.777)</u>	<u>1.882.353.660</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả khác	395.488.465	377.023.771
	<u>395.488.465</u>	<u>377.023.771</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	150.971.981	4.469.981
	<u>150.971.981</u>	<u>4.469.981</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B09a-CTQ

13. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH VLCC	48.625.000.000	48,625	48.625.000.000	48,625
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	48.625.000.000	48,625	48.625.000.000	48,625
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV	2.750.000.000	2,75	2.750.000.000	2,75
Kỳ Nguyên Thịnh Vượng				
	100.000.000.000		100.000.000.000	

14. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

Biến động tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	0	
Số tăng trong kỳ	547.518.518.659	12.418.965.340
Số giảm trong kỳ	(544.804.135.746)	(11.240.829.108)
Số dư cuối kỳ	2.714.382.913	1.178.136.232

15. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		
Tổng công ty Thủy Sản Việt Nam ("SEA")		873.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH")	117.216.000.000	
	117.216.000.000	873.000.000.000

16. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 4/2025	Quý 4/2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	3.409.250.407	1.946.821.104
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	12.940.000.000	1.759.370.334
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	10.000.000.000
	16.349.250.407	13.706.191.438

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B09a-CTQ

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý 4/2025</u>	<u>Quý 4/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	1.185.809.567	763.610.701
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.235.000.000	116.870.334
	<u>2.420.809.567</u>	<u>880.481.035</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý 4/2025</u>	<u>Quý 4/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	43.986.061	2.826.505
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	210.000.000
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	1.275.263.748	574.409.000
	<u>1.339.249.809</u>	<u>787.235.505</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý 4/2025</u>	<u>Quý 4/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ từ bán các khoản đầu tư tài chính	1.132.526.064	145.862.124
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	3.713.352.908	899.440.871
Chi phí tài chính khác	13.636.029	5.952.852
	<u>4.859.515.001</u>	<u>1.051.255.847</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Quý 4/2025</u>	<u>Quý 4/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	1.825.988.717	1.632.198.967
Chi phí vật liệu, công cụ làm việc	55.228.658	24.569.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.697.916	33.541.665
Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	49.545.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	607.234.519	517.919.556
Chi phí khác	251.557.801	241.292.351
	<u>2.750.707.611</u>	<u>2.499.067.620</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Quý 4/2025</u>	<u>Quý 4/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế quý hiện hành	1.292.458.808	1.988.197.686
	<u>1.292.458.808</u>	<u>1.988.197.686</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B09a-CTQ

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thuê văn phòng		
Đến 1 năm	0	1.142.685.900
Từ 1 đến 5 năm	933.727.159	1.605.267.180
	<u>933.727.159</u>	<u>2.747.953.080</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc